

PHÒNG GD&ĐT ỨNG HOÀ**MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
MÔN SINH 8 - THỜI GIAN 45 PHÚT (NĂM HỌC 2022 – 2023)****A. KHUNG MA TRẬN:**

- **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra cuối học kì 1 khi kết thúc nội dung: Bài Thân nhiệt (Chương VI: Trao đổi chất và năng lượng)
- **Thời gian làm bài:** 60 phút
- **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận)
- **Cấu trúc:**
 - Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao
 - Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm (gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 8 câu, thông hiểu: 4 câu, vận dụng: 2 câu, vận dụng cao: 2 câu), mỗi câu 0,25 điểm
 - Phần tự luận: 6,0 điểm (Nhận biết: 2,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 1,5 điểm; Vận dụng cao: 0,5 điểm)
 - Nội dung nửa đầu học kì 1: 30% (3 điểm: gồm 3 chủ đề: CĐ 1, CĐ 2 và CĐ 3: **18 tiết**)
 - Nội dung nửa sau học kì 1: 70% (7 điểm: gồm 3 CĐ: CĐ 4 ; CĐ 5 và CĐ 6: **14 tiết**)

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu TN/ Tổng số ý TL		Điểm số	
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Tự luận	Trắc nghiệm		
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
1. Khái quát về cơ thể người (5 tiết)		1		1						2		0,5
2. Vận động (6 tiết)		1				1		1		3		0,75
3. Tuần hoàn (7 tiết)		1			1				1	1		1,75
4. Hô hấp (4 tiết)		2	1						1	2		2,5
5. Tiêu hóa (7 tiết)	1	1		3		1	1	1	2	6		3
6. Trao đổi chất và năng lượng (3 tiết)	1	2							1	2		1,5
Số câu TN/ Số ý TL (Số YCCĐ)	2	8	1	4	1	2	1	2	5	16		
Điểm số	2,0	2,0	2,0	1,0	1,5	0,5	0,5	0,5	6,0	4,0		10,0

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu TN/ Tổng số ý		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Tự luận	Trắc nghiệm	
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Tổng số điểm	4,0 điểm		3,0 điểm		2,0 điểm		1,0 điểm		10 điểm		10 điểm

B. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL	TN
1. CHỦ ĐỀ 1: KHÁI QUÁT VỀ CƠ THỂ NGƯỜI (5 tiết)				2		
Cấu tạo cơ thể người	Nhận biết	- Kể được tên các hệ cơ quan - Xác định vị trí các cơ quan trong cơ thể mình.		1		C9
	Vận dụng	- Giải thích được vai trò điều hòa của hệ thần kinh và hệ nội tiết đối với các cơ quan trong cơ thể.		1		C5
Tế bào	Nhận biết	- Nêu được thành phần cấu trúc cơ bản của tế bào gồm màng tế bào, TBC, nhân.				
	Thông hiểu	- HS phân biệt được chức năng từng cấu trúc của tế bào.				
	Vận dụng	- Chứng minh được tế bào là đơn vị cấu trúc và đơn vị chức năng của cơ thể.				
Mô	Nhận biết	- Hiểu được khái niệm mô, phân biệt được các loại mô chính trong cơ thể.				
	Thông hiểu	- Phân tích được cấu tạo phù hợp với chức năng của từng loại mô trong cơ thể.				
	Nhận biết	- Biết được cấu tạo và chức năng cơ bản của nơron.				
Phản xạ	Thông hiểu	- Chỉ rõ được 5 thành phần của cung phản xạ và đường dẫn truyền xung thần kinh trong cung phản xạ.				
2. CHỦ ĐỀ 2: VẬN ĐỘNG (6 tiết)				3		
Bộ xương	Nhận biết	- Trình bày được các thành phần chính của bộ xương - Xác định được vị trí các xương chính trên ngay cơ thể mình				
	Thông hiểu	- Phân biệt được các loại xương dài, xương ngắn, xương dẹt về hình dạng và cấu tạo - Phân biệt được các loại khớp xương				
Cấu tạo và tính chất của	Nhận biết	- Mô tả cấu tạo của 1 xương dài và xương ngắn - Nêu được cơ chế lớn lên và dài ra của xương.		1		C3
	Thông hiểu	- Giải thích được sự lớn lên của xương và khả năng chịu lực của xương.				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL	TN
xương	Vận dụng	- Xác định được thành phần hoá học của xương để chứng minh được tính chất đàn hồi và cứng rắn của xương.				
Cấu tạo và tính chất của cơ	Nhận biết	- Biết được cấu tạo của tế bào cơ và bắp cơ				
	Vận dụng	- Giải thích được tính chất cơ bản của cơ là sự co cơ và nêu được ý nghĩa của sự co cơ.		1		C6
Hoạt động của cơ	Nhận biết	- Nêu được khái niệm công cơ				
	Thông hiểu	- Hiểu được nguyên nhân của sự mỏi cơ và nêu các biện pháp chống mỏi cơ				
	Vận dụng	- Chứng minh được cơ co sinh ra công, công của cơ được sử dụng vào lao động và di chuyển				
	Vận dụng cao	- Nêu được lợi ích của sự luyện tập cơ từ đó mà vận dụng vào đời sống thường xuyên luyện tập TĐTT				
Tiến hóa của vận động. Vệ sinh hệ vận động	Thông hiểu	- Chứng minh được sự tiến hoá về hệ vận động của người so với động vật.				
	Vận dụng	- Vận dụng sự hiểu biết vào giữ vệ sinh, rèn luyện thân thể, chống bệnh tật.				
	Vận dụng cao	- Nêu được lợi ích của sự luyện tập cơ từ đó mà vận dụng vào đời sống thường xuyên luyện tập TĐTT		1		C12
3. CHỦ ĐỀ 3: TUẦN HOÀN (7 tiết)				1		
Máu và môi trường trong cơ thể	Nhận biết	- Biết được các thành phần của máu.		1		C13
		- Trình bày được chức năng của huyết tương và hồng cầu.				
	Thông hiểu	- Nêu được vai trò của môi trường trong cơ thể. - Phân biệt được máu, nước mô và bạch huyết.				
Bạch cầu- Miễn dịch	Nhận biết	- Giải thích màu sắc của máu. Khi mất máu do tiêu chảy, lao động nặng máu lưu thông dễ dàng không.				
		- Trình bày được 3 hàng rào phòng thủ bảo vệ cơ thể của bạch cầu khỏi các tác nhân gây nhiễm. - Trình bày được khái niệm miễn dịch.				
	Thông hiểu	Giải thích được cơ chế của vacxin				
Đông máu và nguyên	Nhận biết	- Nêu hiện tượng đông máu và ý nghĩa của sự đông máu, ứng dụng.				
		- Nêu ý nghĩa của sự truyền máu.				
	Vận dụng	- Biết cách giữ máu không đông. - Biết cách xử lí khi gặp những vết thương nhỏ chảy máu.				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi		
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL	TN	
tắc truyền máu		- Biết cách xử lí khi bị máu khó đông. - Biết cách phòng tránh để không bị đông máu trong mạch					
	Vận dụng cao	- Thiết lập sơ đồ quan hệ cho và nhận máu cho các thành viên trong gia đình.					
Tuần hoàn máu và lưu thông bạch huyết	Nhận biết	- Trình bày được cấu tạo tim và hệ mạch liên quan đến chức năng của chúng					
		- Trình bày được sơ đồ vận chuyển máu và bạch huyết trong cơ thể					
	Thông hiểu	- Hiểu được chu kì hoạt động của tim (nhịp tim, thể tích/phút). Tính được nhịp tim của mỗi người					
		- Xác định vị trí của tim trong lồng ngực.					
Vận dụng	Vận dụng xây dựng chế độ ăn uống hợp lý hạn chế các bệnh về tim						
Tim và mạch máu	Nhận biết	- Nêu được khái niệm huyết áp. - Trình bày điều hoà tim và mạch bằng thần kinh. - Nêu được chu kì co dãn của tim					
		Vận dụng	- Tính được chu kì co dãn của tim trong 1 phút - Xác định động mạch và tĩnh mạch trên cơ thể. Dấu hiệu nhận biết chúng				
			- Đếm số nhịp tim trên một phút của bản thân.				
Vận chuyển máu qua hệ mạch. Vệ sinh hệ tuần hoàn.	Nhận biết	- Trình bày được cơ chế vận chuyển máu qua hệ mạch. - Chỉ ra được các tác nhân gây hại cũng như các biện pháp phòng tránh và rèn luyện hệ tim mạch.					
		Thông hiểu	- Hiểu được sự thay đổi tốc độ vận chuyển máu trong các đoạn mạch, ý nghĩa của tốc độ máu chậm trong mao mạch: - Kể một số bệnh tim mạch phổ biến và cách đề phòng. - Hiểu được ý nghĩa của việc rèn luyện tim và cách rèn luyện tim.				
	Vận dụng		Vận dụng các biện pháp bảo vệ hệ tim mạch				
	4. CHỦ ĐỀ 4: HÔ HẤP (4 tiết)				2		
Hô hấp và các cơ quan hô hấp	Nhận biết	- Trình bày khái niệm hô hấp và vai trò của hô hấp với cơ thể sống.		1		C14	
	Thông hiểu	- Xác định được trên hình các cơ quan trong hệ hô hấp người - Mô tả các chức năng của chúng.					

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL	TN
	Vận dụng	- Liên hệ thực tế ý nghĩa của hô hấp với sự sống				
Hoạt động hô hấp	Nhận biết	- Trình bày động tác thở (hít vào, thở ra) với sự tham gia của các cơ thở.				
		- Nêu rõ khái niệm về dung tích sống lúc thở sâu(bao gồm:khí lưu thông, khí bổ sung, khí dự trữ và khí cặn).				
	Thông hiểu	- Phân biệt, thở sâu với thở bình thường và nêu rõ ý nghĩa của thở sâu.				
Vệ sinh hô hấp	Nhận biết	- Trình bày được phản xạ tự điều hòa hô hấp trong hô hấp bình thường				
		- Nêu được tác hại của tác nhân gây ô nhiễm không khí đối với hoạt động hô hấp		1		C16
	Thông hiểu	- Giải thích được cơ sở khoa học của việc luyện tập thể dục thể thao đúng cách				
		- Đề ra biện pháp luyện tập để có một hệ hô hấp khỏe mạnh và tích cực hành động ngăn ngừa các tác nhân gây ô nhiễm không khí				
Vận dụng	- Kể các bệnh chính về hô hấp (viêm phổi, lao phổi, viêm phế quản). Nêu các biện pháp vệ sinh hô hấp. Tác hại của thuốc lá.					
Thực hành: Hô hấp nhân tạo	Nhận biết	- Hiểu rõ được cơ sở khoa học của hô hấp nhân tạo.				
	Thông hiểu	- Nắm được trình tự các bước tiến hành hô hấp nhân tạo.				
	Vận dụng	- Biết được phương pháp hà hơi thổi ngạt và phương pháp ấn lồng ngực.				
5. CHỦ ĐỀ 5: TIÊU HÓA (7 tiết)				6		
Tiêu hóa và các cơ quan tiêu hóa	Nhận biết	- Trình bày được các nhóm chất trong thức ăn, các hoạt động trong quá trình tiêu hóa, vai trò của tiêu hóa với con người.				
	Thông hiểu	- Xác định được trên mô hình các cơ quan tiêu hóa của hệ tiêu hóa ở người				
Tiêu hóa ở khoang miệng	Nhận biết	- Trình bày được sự biến đổi của thức ăn trong ống tiêu hóa về mặt cơ học(miệng) và sự biến đổi hóa học nhờ các dịch tiêu hóa do các tuyến tiêu hóa tiết ra.		1		C1
	Thông hiểu	- Trình bày được các hoạt động tiêu hóa diễn ra trong khoang miệng.		1		C4
		- Trình bày được các hoạt động nuốt và đẩy thức ăn từ khoang miệng qua thực quản xuống dạ dày.				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL	TN
	Vận dụng	- Vận dụng giải thích hiện tượng thực tiễn		1		C7
TH: T/h HĐ của enzym trong nước bọt	Nhận biết	- Biết đặt các thí nghiệm để tìm hiểu những điều kiện bảo đảm cho Enzim hoạt động.				
		- Biết rút ra kết luận từ kết quả so sánh giữa thí nghiệm với đối chứng.				
Tiêu hóa ở dạ dày	Nhận biết	- Trình bày được quá trình tiêu hóa ở dạ dày				
	Thông hiểu	- Phân tích được các đặc điểm cấu tạo của dạ dày phù hợp với chức năng nghiền nát thức ăn		1		C2
Tiêu hóa ở ruột non	Nhận biết	- Trình bày được đặc điểm cấu tạo của ruột non				
	Thông hiểu	- Phân tích được các đặc điểm cấu tạo của ruột non phù hợp với chức năng hấp thụ chất dinh dưỡng		1		C8
Hấp thụ chất dinh dưỡng và thải phân	Nhận biết	- Nêu được những đặc điểm cấu tạo của ruột non phù hợp với chức năng hấp thụ các chất dinh dưỡng.				
		- Các con đường vận chuyển các chất dinh dưỡng từ ruột non đến các cơ quan, tế bào.				
		- Vai trò của gan trên con đường vận chuyển các chất dinh dưỡng.				
		- Vai trò của ruột già trong quá trình tiêu hoá của cơ thể.				
Vệ sinh tiêu hóa	Nhận biết	- Trình bày được các tác nhân gây hại cho hệ tiêu hóa và mức độ tác hại của nó. - Kể một số bệnh về đường tiêu hóa				
	Vận dụng cao	- Chỉ ra được các biện pháp bảo vệ hệ tiêu hóa và đảm bảo sự tiêu hóa có hiệu quả		1		C10
6. CHỦ ĐỀ 6: TRAO ĐỔI CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG (3 tiết)				2		
Trao đổi chất	Nhận biết	- Phân biệt trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường ngoài.		1		C15
		- Phân biệt trao đổi chất giữa tế bào của cơ thể với môi trường trong.				
Chuyển hóa	Nhận biết	- Phân biệt sự trao đổi chất giữa môi trường trong với tế bào và sự chuyển hóa vật chất và năng lượng trong tế bào gồm 2 quá trình đồng hóa và dị hóa có mối quan hệ thống nhất với nhau.		1		C11
Thân nhiệt	Nhận biết	- Trình bày mối quan hệ giữa dị hóa và thân nhiệt.				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL	TN
	Vận dụng	- Giải thích cơ chế điều hoà thân nhiệt, bảo đảm thân nhiệt luôn ổn định.				

C. ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I – MÔN SINH HỌC 8

ĐỀ SỐ 1 (Đề gốc)

I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)

Hãy khoanh tròn vào phương án đúng nhất.

Câu 1: Thức ăn được đẩy qua thực quản xuống dạ dày nhờ hoạt động của:

- A. Các cơ ở thực quản B. Sự co bóp của dạ dày
C. Sụn nắp thanh quản D. Sự tiết nước bọt

Câu 2: Thức ăn được đẩy từ dạ dày xuống ruột nhờ hoạt động nào sau đây?

1. Sự co bóp của cơ vùng tâm vị
2. Sự co bóp của cơ vòng môn vị
3. Sự co bóp của các cơ dạ dày

Phương án đúng là:

- A. 1, 2, 3 B. 1, 3 C. 2, 3 D. 1, 2

Câu 3: Ở xương dài, màng xương có chức năng gì?

- A. Giúp giảm ma sát khi chuyển động
B. Giúp xương dài ra
C. Giúp xương phát triển to về bề ngang
D. Giúp dự trữ các chất dinh dưỡng

Câu 4: Thành phần nào dưới đây của thức ăn được tiêu hóa trong khoang miệng?

- A. 1 phần nước B. 1 phần Lipit
C. 1 phần tinh bột chín D. 1 phần Protein

Câu 5: Hệ thần kinh có chức năng nào sau đây

- A. Giúp cơ thể di chuyển, vận động

- B. Trao đổi khí O₂, CO₂ với môi trường
- C. Biến đổi thức ăn thành các chất cơ thể có thể hấp thụ
- D. Điều khiển, điều hòa và phối hợp các hoạt động của các cơ quan.

Câu 6: Cơ sẽ bị duỗi tối đa trong trường hợp nào dưới đây?

- A. Mọi cơ
- B. Liệt cơ
- C. Viêm cơ
- D. Xơ cơ

Câu 7: Về mặt sinh học, câu thành ngữ "nhai kĩ no lâu" có ý nghĩa gì?

- A. Nhai kĩ thì ăn được nhiều hơn
- B. Nhai kĩ làm thức ăn biến đổi thành những phân tử rất nhỏ, tạo điều kiện cho các enzym phân giải hết thức ăn, do đó có nhiều chất nuôi cơ thể hơn
- C. Nhai kĩ thời gian tiết nước bọt lâu hơn
- D. Nhai kĩ tạo cho ta cảm giác ăn được nhiều hơn nên no

Câu 8: Đặc điểm nào của ruột non không giúp chúng tăng hiệu quả hấp thụ chất dinh dưỡng?

- A. Hệ thống mao mạch máu và mao mạch bạch huyết dày đặc, phân bố tới từng lông ruột
- B. Lớp niêm mạc gấp nếp, trên đó là các mào với lông ruột dày đặc giúp làm tăng diện tích bề mặt ruột non lên
- C. Kích thước rất dài (2,8 – 3 mét)
- D. Thành ruột non trơn, nhẵn giúp cho các chất dinh dưỡng được vận chuyển nhanh hơn.

Câu 9: Cơ thể người được phân chia thành mấy phần? Đó là những phần nào?

- A. 3 phần: đầu, thân và chân
- B. 2 phần: đầu và thân
- C. 3 phần: đầu, thân và các chi
- D. 3 phần: đầu, cổ và thân

Câu 10: Biện pháp nào dưới đây giúp cải thiện tình trạng táo bón?

- 1. Ăn nhiều rau xanh
 - 2. Hạn chế thức ăn chứa nhiều tinh bột và prôtêin
 - 3. Uống nhiều nước
 - 4. Uống trà đặc
- A. 2, 3 B. 1, 3 C. 1, 2 D. 1, 2, 3

Câu 11: Đồng hoá xảy ra quá trình nào dưới đây ?

- A. Giải phóng năng lượng
- B. Tổng hợp chất hữu cơ đơn giản từ những chất hữu cơ phức tạp
- C. Tích lũy năng lượng
- D. Phân giải các chất hữu cơ thành các chất vô cơ đơn giản

Câu 12: Để tăng cường khả năng sinh công của cơ và giúp cơ làm việc dẻo dai, chúng ta cần lưu ý điều gì ?

- A. Tắm nóng, tắm lạnh theo lộ trình phù hợp để tăng cường sức chịu đựng của cơ
- B. Chỉ tắm nóng để cơ được thư giãn tuyệt đối
- C. Chỉ nên tắm lạnh vì cơ dãn sẽ gây mỏi cơ
- D. Lao động nặng thường xuyên để tăng sinh công cho cơ

Câu 13: Thành phần cấu tạo nào của máu chiếm 55% thể tích?

- A. Hồng cầu
- B. Bạch cầu
- C. Huyết tương
- D. Tiểu cầu

Câu 14: Trong quá trình trao đổi khí ở phổi, loại khí nào sẽ khuếch tán từ không khí ở phế nang vào máu?

- A. Khí nitơ
- B. Khí cacbonic
- C. Khí ôxi
- D. Khí hiđrô

Câu 15: Trong quá trình hô hấp, con người sử dụng khí gì và loại thải ra khí gì?

- A. Sử dụng khí nitơ và loại thải khí cacbôníc
- B. Sử dụng khí cacbôníc và loại thải khí ôxi
- C. Sử dụng khí ôxi và loại thải khí cacbôníc
- D. Sử dụng khí ôxi và loại thải khí nitơ

Câu 16: Chất độc nào dưới đây có nhiều trong khói thuốc lá?

- A. Hêrôin B. Côcain C. Moocphin D. Nicôtin

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 17 (1,5 điểm): Vacxin là gì? Vì sao người ta có khả năng miễn dịch sau khi được tiêm vacxin hoặc sau khi bị mắc một bệnh nhiễm khuẩn nào đó?

Câu 18 (2 điểm):

a. Là học sinh có nên hút thuốc không? Nếu có bạn đang hút thuốc em có lời khuyên với bạn như thế nào để bạn biết hút thuốc lá có hại cho hệ hô hấp ?

b. Tại sao trong đường dẫn khí của hệ hô hấp đã có những cấu trúc và cơ chế chống bụi, bảo vệ phổi mà khi lao động vệ sinh hay đi đường vẫn cần đeo khẩu trang chống bụi?

Câu 19 (1 điểm): Trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường ngoài là gì? Hãy nêu ý nghĩa của nó.

Câu 20 (1 điểm): Trình bày hoạt động tiêu hóa lí học và tiêu hóa hóa học ở khoang miệng.

Câu 21 (0,5 điểm): Để tránh những tác hại do ăn uống không hợp lý và không đúng cách em cần có những biện pháp gì?

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM ĐỀ SỐ 1

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,25 điểm

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
A	C	C	C	D	B	B	D	C	C	C	A	C	C	C	D

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu	Hướng dẫn chấm	Điểm
Câu 17 (1,5 điểm)	1. Vacxin: Là dịch có chứa độc tố của vi khuẩn gây bệnh nào đó đã được làm yếu dùng tiêm vào cơ thể người để tạo ra khả năng miễn dịch bệnh đó.	0,5đ
	2. Giải thích: - Tiêm vacxin tạo khả năng miễn dịch cho cơ thể: Độc tố của vi khuẩn là kháng nguyên nhưng do đã được làm yếu nên vào cơ thể người không đủ khả năng gây hại. Nhưng nó có tác dụng kích thích tế bào bạch cầu sản xuất ra kháng thể. Kháng thể tạo ra tiếp tục tồn tại trong máu giúp cơ thể miễn dịch được với bệnh ấy.	0,5 đ
	- Sau khi mắc một bệnh nhiễm khuẩn nào đó cơ thể có khả năng miễn dịch bệnh đó vì: Khi xâm nhập vào cơ thể người, vi khuẩn tiết ra độc tố. Độc tố là kháng thể kích thích tế bào bạch cầu sản xuất ra	0,5đ

	kháng thể chống lại. Nếu cơ thể sau đó khỏi bệnh thì kháng thể đã có sẵn trong máu giúp cơ thể miễn dịch bệnh đó.	
Câu 18 (2 điểm)	a. Là học sinh không nên hút thuốc lá vì: Khi hút thuốc lá: - Làm tê liệt lớp lông rung phế quản, giảm hiệu quả lọc sạch không khí. - Có thể gây ung thư phổi. - HS có thể đưa thêm các tác hại nữa để khuyên bạn ...	0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ
	b. Đường dẫn khí mặc dù đã có những cấu trúc để chống bụi, tuy nhiên vẫn cần bộ phận khẩu trang khi lao động hoặc khi ra đường vì: - Bụi quá nhiều lớp lông mao và lớp dịch nhầy không thể kịp lọc sạch - Các cấu trúc ngăn bụi của hệ hô hấp chỉ phù hợp với điều kiện không khí bình thường. - HS có thể bổ sung các dẫn chứng khác.	0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ
	1. Trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường ngoài: - Là hiện tượng cơ thể thường xuyên lấy từ môi trường khí ôxi và những chất cần thiết cho sự tồn tại và phát triển, đồng thời thải từ cơ thể ra môi trường những chất bã sau hoạt động cơ thể và khí CO ₂ .	0,5 đ
	2. Ý nghĩa của trao đổi chất: - Nhờ trao đổi chất, cơ thể thường xuyên nhận chất dinh dưỡng để cung cấp cho hoạt động của tế bào, giúp cho cơ thể duy trì sự sống và phát triển bình thường; đồng thời giúp cơ thể đào thải những chất bã, chất độc, tránh sự đầu độc của cơ thể.	0,5 đ
	1. Tiêu hóa lí học: Được thực hiện dưới tác dụng của răng, lưỡi và các cơ như sau: - Răng và các cơ nhai: phối hợp cử động để nhai, nghiền, cắt thức ăn và trộn đều thức ăn với dịch nước bọt. - Lưỡi: Tham gia đảo trộn thức ăn.	0,25 đ 0,25 đ
	2. Tiêu hóa hóa học: - Do các tuyến nước bọt thực hiện. Các tuyến này tiết ra nước bọt có chứa enzym amilaza. - Enzim amilaza có tác dụng làm biến đổi một phần tinh bột thành đường mantôzơ.	0,25 đ 0,25 đ
Câu 21 (0,5 điểm)	Biện pháp phòng tránh những tác hại do ăn uống không hợp lí và không đúng cách: - Thiết lập khẩu phần ăn hợp lí để đảm bảo đủ chất dinh dưỡng và tránh cho cơ quan tiêu hóa phải làm việc quá mức. - Ăn uống hợp vệ sinh, ăn chậm, nhai kĩ; ăn đúng giờ đúng bữa; hợp	0,25 đ 0,25 đ

khẩu vị; tạo bầu không khí vui vẻ, thoải mái khi ăn. Sau khi ăn cần có thời gian nghỉ ngơi hợp lí để sự tiêu hóa được hiệu quả.

ĐỀ SỐ 2

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) Hãy khoanh tròn vào phương án đúng nhất.

Câu 1: Cơ quan nào đóng vai trò chủ yếu trong cử động nuốt?

- A. Họng B. Thực quản C. Lưỡi D. Khí quản

Câu 2: Các hoạt động tiêu hóa diễn ra ở dạ dày là:

1. Tiết dịch vị.
2. Tiết nước bọt
3. Tạo viên thức ăn
4. Biến đổi lí học của thức ăn: sự co bóp của dạ dày
5. Nuốt
6. Biến đổi hóa học của thức ăn: nhờ các enzyme
7. Đẩy thức ăn xuống ruột.

Những hoạt động tiêu hóa ở dạ dày là:

- A. 1, 2, 4, 6 B. 1, 4, 6, 7 C. 2, 4, 5, 7 D. 2, 4, 6, 7

Câu 3: Ở xương dài của trẻ em, bộ phận nào có chứa tủy đỏ ?

- A. Mô xương xốp và khoang xương B. Mô xương cứng và mô xương xốp
C. Khoang xương và màng xương D. Màng xương và sụn bọc đầu xương

Câu 4: Loại đường nào dưới đây được hình thành khi chúng ta nhai kĩ cơm?

- A. Lactozo B. Glucozo C. Mantozo D. Saccarozo

Câu 5: Hệ cơ quan nào có vai trò thực hiện quá trình sinh sản

- A. Hệ sinh dục B. Hệ hô hấp C. Hệ tuần hoàn D. Hệ bài tiết

Câu 6: Trong cử động gập cánh tay, các cơ ở hai bên cánh tay sẽ

- A. co duỗi ngẫu nhiên. B. co duỗi đối kháng.
C. cùng co. D. cùng duỗi

Câu 7: Khi ta nhai cơm lâu trong miệng thấy có cảm giác ngọt? Vì sao?

- A. Vì tinh bột có vị ngọt
- B. Vì tinh bột chín được biến đổi một phần thành đường Mantozo nên có vị ngọt
- C. Vì tinh bột chín được biến đổi một phần thành đường Lactoza nên có vị ngọt
- D. Vì khi nhai lâu tinh bột chín được biến đổi lý học một phần thành đường mantozo nên có vị ngọt.

Câu 8: Các chất dinh dưỡng nào dưới đây hấp thu theo con đường bạch huyết

- 1. Đường.
- 2. Lipit đã được lipaza phân giải thành axit béo và glixêrin (khoảng 30%).
- 3. Axit amin.
- 4. Các muối khoáng.
- 5. Nước.
- 6. Các vitamin tan trong nước
- 7. Lipit đã được muối mật nhũ tương hoá dưới dạng các giọt nhỏ (70%).
- 8. Các vitamin tan trong dầu (A, D, E, K).

Phương án đúng là

- A. 1, 2 B. 3, 4 C. 5, 6 D. 7, 8

Câu 9: Cơ thể người gồm các phần là

- A. Đầu, bụng, chân
- B. Đầu, chân, tay
- C. Đầu, thân, chi
- D. Thân, chi, các hệ cơ quan

Câu 10: Sau khi ăn thức ăn còn bám ở răng sẽ:

- A. Làm cho nước bọt tiết nhiều hơn nên dễ tiêu hóa thức ăn
- B. Làm cho nước bọt tiết ít hơn nên khó tiêu hóa thức ăn
- C. Tạo môi trường axit phá hủy men răng
- D. Tạo môi trường kiềm phá hủy men răng

Câu 11: Chuyển hoá cơ bản là

- A. năng lượng tiêu dùng khi cơ thể ở trạng thái lao động cật lực.
- B. năng lượng tích lũy khi cơ thể ở trạng thái lao động cật lực.
- C. năng lượng tích lũy khi cơ thể ở trạng thái hoàn toàn nghỉ ngơi.
- D. năng lượng tiêu dùng khi cơ thể ở trạng thái hoàn toàn nghỉ ngơi.

Câu 12: Biên độ co cơ có mối tương quan như thế nào với khối lượng của vật cần di chuyển

- A. Biên độ co cơ chỉ phụ thuộc vào khối lượng của vật cần di chuyển mà không chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố khác.
- B. Biên độ co cơ không phụ thuộc vào khối lượng của vật cần di chuyển
- C. Biên độ co cơ tỉ lệ thuận với khối lượng của vật cần di chuyển
- D. Biên độ co cơ tỉ lệ nghịch với khối lượng của vật cần di chuyển

Câu 13: Thành phần cấu tạo nào của máu chiếm 45% thể tích?

- A. Huyết tương B. Các tế bào máu C. Hồng cầu D. Bạch cầu

Câu 14: Trong quá trình trao đổi khí ở tế bào, loại khí nào sẽ khuếch tán từ máu vào tế bào

- A. Khí nitơ B. Khí cacbôníc C. Khí ôxi D. Khí hiđrô

Câu 15: Bộ phận nào dưới đây không thuộc hệ hô hấp?

- A. Thanh quản B. Thực quản C. Khí quản D. Phế quản

Câu 16: Loại khí nào dưới đây thường gây viêm, sưng lớp niêm mạc, cản trở trao đổi khí và có thể gây chết người khi dùng với liều cao?

A. N_2

B. O_2

C. H_2

D. NO_2

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 17 (1,5 điểm): Vacxin là gì? Vì sao người ta có khả năng miễn dịch sau khi được tiêm vacxin hoặc sau khi bị mắc một bệnh nhiễm khuẩn nào đó?

Câu 18 (2 điểm):

a. Là học sinh có nên hút thuốc không? Nếu có bạn đang hút thuốc em có lời khuyên với bạn như thế nào để bạn biết hút thuốc lá có hại cho hệ hô hấp ?

b. Tại sao trong đường dẫn khí của hệ hô hấp đã có những cấu trúc và cơ chế chống bụi, bảo vệ phổi mà khi lao động vệ sinh hay đi đường vẫn cần đeo khẩu trang chống bụi?

Câu 19 (1 điểm): Trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường ngoài là gì? Hãy nêu ý nghĩa của nó.

Câu 20 (1 điểm): Trình bày hoạt động tiêu hóa lí học và tiêu hóa hóa học ở khoang miệng.

Câu 21 (0,5 điểm): Để tránh những tác hại do ăn uống không hợp lý và không đúng cách em cần có những biện pháp gì?

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM ĐỀ SỐ 2

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,25 điểm

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
C	B	A	C	A	D	B	B	C	C	D	D	D	C	B	D

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu	Hướng dẫn chấm	Điểm
Câu 17 (1,5 điểm)	1. Vaccin: Là dịch có chứa độc tố của vi khuẩn gây bệnh nào đó đã được làm yếu dùng tiêm vào cơ thể người để tạo ra khả năng miễn dịch bệnh đó.	0,5đ
	2. Giải thích: - Tiêm vaccin tạo khả năng miễn dịch cho cơ thể: Độc tố của vi khuẩn là kháng nguyên nhưng do đã được làm yếu nên vào cơ thể người không đủ khả năng gây hại. Nhưng nó có tác dụng kích thích tế bào bạch cầu sản xuất ra kháng thể. Kháng thể tạo ra tiếp tục tồn tại trong máu giúp cơ thể miễn dịch được với bệnh ấy.	0,5 đ
	- Sau khi mắc một bệnh nhiễm khuẩn nào đó cơ thể có khả năng miễn dịch bệnh đó vì: Khi xâm nhập vào cơ thể người, vi khuẩn tiết ra độc tố. Độc tố là kháng thể kích thích tế bào bạch cầu sản xuất ra kháng thể chống lại. Nếu cơ thể sau đó khỏi bệnh thì kháng thể đã có sẵn trong máu giúp cơ thể miễn dịch bệnh đó.	0,5đ
Câu 18 (2 điểm)	a. Là học sinh không nên hút thuốc lá vì: Khi hút thuốc lá:	0,25đ
	- Làm tê liệt lớp lông rung phế quản, giảm hiệu quả lọc sạch không khí.	0,25 đ
	- Có thể gây ung thư phổi.	0,25 đ
	- HS có thể đưa thêm các tác hại nữa để khuyên bạn ...	0,25đ
	b. Đường dẫn khí mặc dù đã có những cấu trúc để chống bụi, tuy nhiên vẫn cần bịt khẩu trang khi lao động hoặc khi ra đường vì:	0,25 đ
	- Bụi quá nhiều lớp lông mao và lớp dịch nhầy không thể kịp lọc sạch	0,25 đ
- Các cấu trúc ngăn bụi của hệ hô hấp chỉ phù hợp với điều kiện không khí bình thường.	0,25 đ	
- HS có thể bổ xung các dẫn chứng khác.	0,25 đ	

<p>Câu 19 (1 điểm)</p>	<p>1. Trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường ngoài: - Là hiện tượng cơ thể thường xuyên lấy từ môi trường khí ôxi và những chất cần thiết cho sự tồn tại và phát triển, đồng thời thải từ cơ thể ra môi trường những chất bã sau hoạt động cơ thể và khí CO₂.</p> <p>2. Ý nghĩa của trao đổi chất: - Nhờ trao đổi chất, cơ thể thường xuyên nhận chất dinh dưỡng để cung cấp cho hoạt động của tế bào, giúp cho cơ thể duy trì sự sống và phát triển bình thường; đồng thời giúp cơ thể đào thải những chất bã, chất độc, tránh sự đầu độc của cơ thể.</p>	<p>0,5đ</p> <p>0,5 đ</p>
<p>Câu 20 (1 điểm)</p>	<p>1. Tiêu hóa lí học: Được thực hiện dưới tác dụng của răng, lưỡi và các cơ như sau: - Răng và các cơ nhai: phối hợp cử động để nhai, nghiền, cắt thức ăn và trộn đều thức ăn với dịch nước bọt. - Lưỡi: Tham gia đảo trộn thức ăn.</p> <p>2. Tiêu hóa hóa học: - Do các tuyến nước bọt thực hiện. Các tuyến này tiết ra nước bọt có chứa enzym amilaza. - Enzim amilaza có tác dụng làm biến đổi một phần tinh bột thành đường mantôzơ.</p>	<p>0,25 đ</p> <p>0,25 đ</p> <p>0,25 đ</p> <p>0,25 đ</p>
<p>Câu 21 (0,5 điểm)</p>	<p>Biện pháp phòng tránh những tác hại do ăn uống không hợp lí và không đúng cách: - Thiết lập khẩu phần ăn hợp lí để đảm bảo đủ chất dinh dưỡng và tránh cho cơ quan tiêu hóa phải làm việc quá mức. - Ăn uống hợp vệ sinh, ăn chậm, nhai kĩ; ăn đúng giờ đúng bữa; hợp khẩu vị; tạo bầu không khí vui vẻ, thoải mái khi ăn. Sau khi ăn cần có thời gian nghỉ ngơi hợp lí để sự tiêu hóa được hiệu quả.</p>	<p>0,25 đ</p> <p>0,25 đ</p>